

Số: 857/QĐ-KL

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm học 2019-2020 cho sinh viên các khóa **QH-2016-L, QH-2017-L hệ Chính quy Khoa Luật**

CHỦ NHIỆM KHOA LUẬT

Căn cứ Quyết định số 85/TCCB ngày 07/03/2000 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) về việc thành lập Khoa Luật trực thuộc ĐHQGHN;

Căn cứ Quyết định số 44/2007/QĐ-BGD ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ BGD&ĐT về học bổng khuyến khích học tập của học sinh, sinh viên;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học ở ĐHQGHN được ban hành kèm theo Quyết định số 5115/ĐT ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Giám đốc ĐHQGHN;

Căn cứ Quyết định số 5249/QĐ-ĐHQGHN ngày 27/4/2014 của Giám đốc ĐHQGHN về việc ban hành "Quy định về quản lý và sử dụng học bổng tại ĐHQGHN";

Căn cứ Công văn số 1513/ĐHQGHN-CTHSSV ngày 23 tháng 04 năm 2015 của Giám đốc ĐHQGHN về việc kết quả học tập để xét học bổng;

Căn cứ kết quả học tập và điểm rèn luyện của **học kỳ I năm học 2019-2020**;

Căn cứ kết luận của Hội đồng xét học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên hệ Chính quy, Khoa Luật họp ngày 04/8/2020;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo và Công tác học sinh sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cấp **53** suất học bổng khuyến khích học tập **học kỳ II năm học 2019-2020** cho sinh viên hệ chính quy các khóa **QH-2016-L (K61) và QH-2017-L (K62)** (có danh sách kèm theo), cụ thể như sau:

- Học bổng loại A: 11 suất, trong đó:
 - 02 suất dành cho sinh viên chương trình đào tạo Chất lượng cao: 1.287.000 VNĐ/ tháng;
 - 09 suất dành cho sinh viên Chương trình đào tạo Chuẩn: 990.000 VNĐ/ tháng.
- Học bổng loại B: 42 suất, trong đó:
 - 01 suất dành cho sinh viên chương trình đào tạo Chất lượng cao: 1.222.000 VNĐ/ tháng
 - 41 suất dành cho sinh viên Chương trình đào tạo Chuẩn: 940.000 VNĐ/ tháng.

Điều 2. Đối với học bổng khuyến khích học tập, mỗi sinh viên được nhận 05 tháng trong học kỳ II năm học 2019-2020.

Tổng số tiền chi học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm học 2019-2020 cho các khóa QH-2016-L (K61) và QH-2017-L (K62) là 256.230.000 VNĐ (Hai trăm năm mươi sáu triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng chẵn).

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng các phòng chức năng có liên quan và sinh viên chính quy các khoá QH-2016-L (K61) và QH-2017-L (K62) có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phó CNK phụ trách;
- Phòng KH – TC;
- Lưu: VT, ĐT&CTHSSV.

CHỦ NHIỆM KHOA

(đã ký)

Nguyễn Thị Quế Anh

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA QH-2016-L, QH-2017-L

NHẬN HỌC BỔNG HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019-2020

(Kèm theo Quyết định số 857/QĐ-KL ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Chủ nhiệm Khoa Luật)

STT	Mã SV	Sinh viên	Ngày sinh	Lớp	ĐTB	ĐRL	Loại HB	Số tiền
1. HỌC BỔNG LOẠI A: 11 suất								
1	16061006	Lê Thị Thắm	12/04/1998	K61CLC	3.69	98	A	6,435,000
2	16061021	Nguyễn Minh Thanh	27/05/1998	K61CLC	3.63	92	A	6,435,000
3	16061709	Hoàng Ngọc Minh Thúy	14/02/1998	K61C	3.7	93	A	4,950,000
4	16062044	Vũ Thị Thanh Tâm	28/03/1998	K61LKD	3.84	100	A	4,950,000
5	16062029	Nguyễn Thị Phương	26/06/1998	K61LKD	3.76	100	A	4,950,000
6	16062147	Nguyễn Thị Ngát	11/07/1998	K61LKD	3.67	95	A	4,950,000
7	16062002	Trần Ngọc Ánh	22/01/1998	K61LKD	3.65	96	A	4,950,000
8	16062092	Nguyễn Thị Hoài	18/02/1998	K61LKD	3.61	100	A	4,950,000
9	16062117	Hà Thị Kim Dung	02/09/1998	K61LKD	3.6	100	A	4,950,000
10	17060060	Nguyễn Khánh Linh	20/08/1999	K62A	3.62	99	A	4,950,000
11	17060175	Đặng Thị Thanh Huyền	18/10/1999	K62B	3.62	97	A	4,950,000
2. HỌC BỔNG LOẠI B: 42 suất								
12	17060117	Nguyễn Thị Thùy Trang	19/09/1999	K62CLC	3.57	95	B	6,110,000
13	16061133	Phạm Thị Trà My	01/09/1998	K61A	3.58	97	B	4,700,000
14	16061136	Nguyễn Thị Diệu Thư	30/03/1998	K61A	3.57	90	B	4,700,000
15	16061512	Phan Thị Khánh Ly	21/06/1998	K61A	3.5	86	B	4,700,000
16	16062178	Nguyễn Tuấn Anh	02/11/1997	K61A	3.44	88	B	4,700,000
17	16061122	Đức Thị Mỹ Diễm	30/03/1998	K61A	3.42	90	B	4,700,000
18	16061043	Nguyễn Thị Diên	13/08/1998	K61A	3.38	90	B	4,700,000
19	16061554	Nguyễn Thị Dung	07/03/1998	K61B	3.55	90	B	4,700,000
20	16061253	Nguyễn Thị Hằng	23/02/1998	K61B	3.5	90	B	4,700,000
21	16061538	Phạm Thị Ngọc Tuyết	06/01/1998	K61B	3.45	95	B	4,700,000
22	16061546	Ngô Thị Diệu Linh	17/07/1998	K61B	3.35	88	B	4,700,000
23	16061288	Trịnh Thu Lan	24/08/1998	K61B	3.34	88	B	4,700,000
24	16061571	Phạm Thị Phương Anh	10/06/1998	K61C	3.56	97	B	4,700,000
25	16061577	Lưu Thị Kim Ngân	27/06/1997	K61C	3.43	89	B	4,700,000
26	16061439	Đặng Thùy Cúc	18/09/1998	K61C	3.38	93	B	4,700,000
27	16061342	Nguyễn Quỳnh Hương	16/02/1998	K61C	3.36	93	B	4,700,000
28	17060091	Trần Thị Kim Phụng	05/04/1999	K62A	3.56	88	B	4,700,000
29	17060008	Nguyễn Tuấn Anh	03/02/1998	K62A	3.48	96	B	4,700,000
30	17060098	Nguyễn Ngọc Lâm Tâm	18/11/1999	K62A	3.33	90	B	4,700,000
31	17060026	Trần Văn Dũng	22/01/1999	K62A	3.31	96	B	4,700,000
32	17060066	Bùi Thị Lụa	08/01/1999	K62A	3.28	98	B	4,700,000
33	17060204	Trần Trọng Nam	03/11/1998	K62B	3.45	97	B	4,700,000
34	17060217	Phí Thảo Nhung	25/03/1999	K62B	3.45	91	B	4,700,000
35	17060244	Thái Thị Xuân Thu	10/10/1999	K62B	3.4	91	B	4,700,000
36	17060258	Nguyễn Thị Thu Uyên	04/01/1999	K62B	3.32	96	B	4,700,000
37	17060250	Phạm Thị Huyền Trang	10/10/1999	K62B	3.3	95	B	4,700,000
38	17060137	Nông Thị Vân Anh	20/03/1999	K62B	3.3	91	B	4,700,000
39	17060237	Vũ Thị Thảo	17/02/1998	K62B	3.28	94	B	4,700,000

STT	Mã SV	Sinh viên	Ngày sinh	Lớp	ĐTB	ĐRL	Loại HB	Số tiền
40	17060315	Phạm Thị Liên	15/09/1998	K62C	3.51	96	B	4,700,000
41	17060321	Trần Thị Hoài Linh	26/08/1998	K62C	3.49	94	B	4,700,000
42	17060377	Nguyễn Thị Thu Trà	31/08/1998	K62C	3.44	93	B	4,700,000
43	17060323	Thân Thị Luyện	07/06/1999	K62C	3.37	98	B	4,700,000
44	17061153	Phạm Thị Thủy Tiên	09/12/1999	K62LKD-A	3.56	91	B	4,700,000
45	17061006	Lê Thị Ngọc Anh	17/11/1999	K62LKD-A	3.51	95	B	4,700,000
46	17061100	Lê Thị Ngân	18/06/1999	K62LKD-A	3.48	96	B	4,700,000
47	17061094	Trịnh Phương Minh	25/10/1999	K62LKD-A	3.48	89	B	4,700,000
48	17061116	Đinh Thị Vân Oanh	17/03/1999	K62LKD-A	3.45	95	B	4,700,000
49	17061166	Vũ Thị Tuyết	17/05/1999	K62LKD-B	3.5	95	B	4,700,000
50	17061109	Nguyễn Minh Nguyệt	03/10/1999	K62LKD-B	3.45	95	B	4,700,000
51	17061160	Lương Thục Trinh	30/08/1999	K62LKD-B	3.45	91	B	4,700,000
52	17061148	Trần Nguyễn Anh Thư	06/12/1999	K62LKD-B	3.4	95	B	4,700,000
53	17061040	Nguyễn Thuỳ Dương	29/05/1999	K62LKD-B	3.38	95	B	4,700,000
TỔNG CỘNG								256,230,000

Ấn định danh sách: 53 sinh viên

Phòng ĐT&CTHSSV

Lập danh sách

Đỗ Thị Bích Nguyệt

Hoàng Thị Bích Phượng